

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂUCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5853/QĐ-UBND

Tân Châu, ngày 20 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024
cho ngân sách xã, phường trực thuộc thị xã****ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh An Giang Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Tân Châu Về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 thị xã Tân Châu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Tân Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các xã, phường trực thuộc thị xã dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024 (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 được giao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách xã, phường đảm bảo:

1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương trong năm 2024 theo quy định từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, các khoản được loại trừ khi tính tăng thu để thực hiện cải cách tiền lương) dự toán năm 2024 so với dự toán năm 2023; nguồn thực hiện cải cách

tiền lương đến hết năm 2023 còn dư chuyển sang năm 2024 (nếu có). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2023 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2024.

Đối với nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất), loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, gồm: Thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

2. Bố trí chi thường xuyên đảm bảo các chế độ chính sách cho con người, kinh phí hoạt động thường xuyên và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng được Ủy ban nhân dân thị xã giao. Thực hiện tiết kiệm triệt để, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; bố trí kinh phí mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng qui định. Chỉ đề xuất bổ sung khi thực sự cần thiết và đảm bảo nguồn.

3. Trong điều hành ngân sách nhà nước năm 2024, trường hợp thu ngân sách địa phương giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao do nguyên nhân khách quan, phải chủ động sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình, rà soát, sắp xếp, cắt giảm và giãn các nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối theo dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã giao đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương cho các ban ngành thuộc ủy ban nhân dân xã, phường chậm nhất 5 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao nhằm hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước cũng như quản lý chi tiêu ngân sách địa phương chặt chẽ, đúng pháp luật, triệt để tiết kiệm và có hiệu quả.

Điều 5. Phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 đối với ngân sách các xã, phường trên địa bàn thị xã Tân Châu.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thị xã, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Sở Tài chính (báo cáo);
 - TT.thị ủy, HĐND thị xã (b/c);
 - Chủ tịch, các PCT UBND thị xã (b/c);
 - UBND các xã, phường;
 - Lưu VT.
- (Kèm theo phụ lục)

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Vệ



Số Tờ:.....02.....



CHỈ TIÊU CHI TIẾT THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Xã Tân An

Phụ lục kèm Quyết định số: 5853/QĐ-UBND ngày 20/ 12/2023 của UBND thị xã Tân Châu

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Thu NSNN	Thu ngân sách xã	Ghi chú
Tổng thu NSNN	8.133.657	8.033.657	
Tổng thu ngân sách địa phương	8.133.657	8.033.657	
I. Tổng các khoản thu cân đối	1.503.000	1.403.000	
1- Thuế sử dụng đất phi NN	4.000	4.000	
2- Lệ phí trước bạ	110.000	110.000	
3- Thu phí - lệ phí	50.000	50.000	
4- Quỹ đất công ích, HLCS	0	0	
5- Thu khác ngân sách	1.339.000	1.239.000	
a- Thu phạt vi phạm HC	124.000	24.000	
- Thu phạt ATGT	110.000	10.000	
+ Trung ương	100.000	0	
+ Địa phương	10.000	10.000	
- Thu phạt VPHC khác	10.000	10.000	
- Thu hoạt động KD trái PL	4.000	4.000	
b- Các khoản thu khác	1.215.000	1.215.000	
- Phí đồ	1.165.000	1.165.000	
- Phí chợ	50.000	50.000	
- Thu khác	0	0	
II. Nguồn thực hiện CCTL	0	0	
Nguồn CCTL còn thừa các năm trước mang sang	0	0	
III- Thu BS từ ngân sách cấp trên	6.630.657	6.630.657	

Số Từ:.....03.....

Nội dung	Dự toán Năm 2024	Ghi chú
- Chi hoạt động Hội NCT 5trđ/năm (bao gồm kp tổ chức ngày Mừng thọ 01/10); Kp in giấy mừng thọ cho các cụ 10.000đ/1 giấy/cụ	6.890	
- Chi hoạt động Hội CTĐ 5trđ/năm	5.000	
Tiết kiệm 10% KP tự chủ (trừ các khoản chi cho con người)	75.900	
II. Kinh phí không tự chủ	2.773.668	
1. Chi sự nghiệp văn xã	209.000	
a- Chi SN giáo dục và đào tạo	74.000	
- Chi SN giáo dục+ TTHTCĐ 49tr/xã	49.000	
- Chi SN đào tạo - dạy nghề (25tr/xã)	25.000	
b- Chi SN văn hóa T. tin 39tr/xã	39.000	
c- Chi HĐ Truyền thanh 22tr/xã	22.000	
d- Chi SN T.dục T.thao (25tr/xã)	25.000	
e- Chi đảm bảo XH (49tr/xã)	49.000	
2. Chi Quản lý hành chính	510.760	
2.1- Chi quản lý nhà nước	231.560	
- Hoạt động HĐND theo NQ số 18/2023/NQ-HĐND ngày 28/9/2023 (bao gồm chi hỗ trợ BHYT cho ĐB.HĐND không chuyên trách mà không hưởng lương từ NSNN)	110.000	
- Tủ sách PL 7 tr, Ban TTND 12 tr, giám sát ĐTCD 12tr	31.000	
- Xây dựng đời sống VH KDC	62.000	
+ Khu dân cư xã, phường 20tr/xã	20.000	
+ Khu dân cư khóm, ấp (6tr/ấp)	42.000	
- NQ, QĐ ban hành mới/thay thế	13.200	
- NQ, QĐ sửa đổi, bổ sung	10.560	
- Chi thị của UBND	4.800	
2.2- Chi ngân sách Đảng	269.200	
- Hỗ trợ Ban dân vận 10tr/xã	10.000	
- Chi theo Qui định 545-QĐ/TU ngày 19/01/2021 (100tr/xã)	100.000	
- HT hoạt động Đảng theo QĐ 99 30tr/xã	30.000	
- Xây dựng quy chế dân chủ cơ sở	12.000	
- Chi theo đề án 02 20tr/xã	20.000	
- Chi phụ cấp Ủy viên 0,3hs	97.200	
2.3- Chi ngân sách Hội, đoàn thể	10.000	
Các hội đoàn thể còn lại	10.000	
- Kinh phí hoạt động Thanh niên 10tr/xã	10.000	
3. Chi An ninh Quốc phòng	1.504.668	
a. Chi an ninh	601.200	
Phụ cấp hàng tháng (theo Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND)	302.400	
Trợ cấp bồi dưỡng (theo Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND)	151.200	
BHYT (3%) cho Công an BCT	9.072	
BHXH (22%) cho Công an BCT	66.528	
Kinh phí mua sắm và hoạt động khác (bao gồm kp tuần tra các xã, phường)	72.000	
b. Chi quốc phòng	903.468	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NĂM 2024

Phụ lục kèm Quyết định số: 5853/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND thị xã

Xã Tân An

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán Năm 2024	Ghi chú
Tổng chi	8.033.657	
A- Chi cân đối (trong đó: Đơn vị giữ lại 10% số tiết kiệm)	7.873.657	
<u>I. Kinh phí thực hiện tự chủ</u>	<u>5.099.989</u>	
1. Chi quản lý hành chính	5.099.989	
1.1- Chi quản lý nhà nước	3.291.333	
- Lương, các khoản đóng góp	1.788.661	
- Chi theo định mức 16triệu/BC	368.000	
- Chi HĐ 22tr/ấp	154.000	
- Lương biên chế chưa có mặt	61.916	
- Phụ cấp Tr. ấp + Phó ấp kiêm Ấp đội trưởng+ Tr. Ban (4,5hs/1 ấp)	680.400	
- Phụ cấp Ban bảo vệ dân phố	0	
- PC Đại biểu HĐND trong đó tính BHYT 10% số ĐB	177.876	
- Tổ Trưởng HĐND cấp TX	4.320	
- Phụ cấp Ban KT, Ban PC	56.160	
1,2- Chi khác QL hành chính	72.368	
- Kiểm soát thủ tục HC (440.000đ/tháng x 02 người x 12t)	10.560	
- Cán bộ tiếp công dân:104 ngày x 1 người x 100.000 đồng	10.400	
- Làm việc thứ 7 (2,34*1tr8/22) =191.000*200%*26 ngày*6 người	0	
- Hỗ trợ BHXH mức 14% CB không CT cấp xã, phường (1tr8 x 14% x 12T)	42.336	
- Hỗ trợ BHYT mức 2/3% x 4,5% CB không CT cấp xã, phường (1tr8 x 3% x 12T)	9.072	
1.3- Chi ngân sách Đảng	552.893	
- Lương, các khoản đóng góp	468.893	
- Chi theo định mức 21 triệu/BC	84.000	
* Lương biên chế chưa có mặt	0	
1.4- Chi ngân sách Hội, đoàn thể	1.183.395	
a- Chi MTTQ	77.360	
- Lương, các khoản đóng góp	45.360	
- Chi theo định mức 16 triệu/BC	32.000	
- Lương biên chế chưa có mặt	0	
b- Các đoàn thể còn lại	955.545	
- Lương, các khoản đóng góp	480.665	
- Chi theo định mức 14triệu/BC	112.000	
- Phụ cấp chức danh đoàn thể ở khóm, ấp (2,4hs/1 khóm, ấp)	362.880	
c- Hỗ trợ các hội	150.490	
- Hội khuyến học 9tr/xã	9.000	
	120.600	

Nội dung	Dự toán Năm 2024	Ghi chú
Trợ cấp ngày công lao động LLDQTV (119.200đ/người/ngày x 22 ngày x 12T)	283.219	
Hỗ trợ tiền ăn LLDQTV (65.000đ/người/ngày x 365 ngày)	213.525	
Hỗ trợ huấn luyện và hoạt động phí LLDQTV (bao gồm mua sắm QP 10tr/xã)	160.000	
Phụ cấp + trợ cấp CHP	95.904	
Phụ cấp DQTV theo QĐ 06 (bao gồm: BHXH và BHYT của LLDQTV)	110.644	
Phụ cấp theo Nghị định 72/2020	40.176	
4- Chi khác ngân sách	549.240	
Chi cho công tác ATGT	50.000	
Chi cho xử phạt VPHC	4.000	
KP bảo vệ cột mốc+đổi ngoại	0	
Chi sự nghiệp môi trường	50.000	
Chi thường xuyên khác	100.000	
Chi khen thưởng 1%	75.000	
Hòa giải thành 200/vụ * 40 vụ	8.000	
Hỗ trợ tổ hòa giải ấp 100/tháng/ấp	8.400	
CT gia đình và bạo lực gia đình	10.000	
Chúc thọ người cao tuổi + nước uống (theo NQ 09/2019 gồm 500.000đ chúc thọ + 20.000đ tiền nước uống)	98.280	
Vì sự tiến bộ PN, BDG theo KH 412/KH-BVSTBPN-BĐG ngày 14/3/2017 (30tr/xã)	30.000	
Bảo vệ chăm sóc trẻ em theo QĐ 458/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh (15tr/xã)	15.000	
Phổ biến GDPL (15tr/xã)	15.000	
Đăng ký khai sinh cấp BHYT	2.400	
Trang phục: Bộ phận 1 cửa: 2tr/ 1 người	12.000	
Thuê thiết bị kênh truyền hình (theo CV 2313/VP-VX ngày 09/9/2019) 12 tháng	36.960	
Thuê kênh truyền hình (theo CV 2313/VP-VX ngày 09/9/2019) 12 tháng	7.920	
Thuê đất làm đường dẫn xuống bến đò Số 5, P. Long Sơn	0	
Duy trì phần mềm kế toán	6.000	
Duy trì phần mềm QLTS	3.000	
Chi thù lao Cộng tác viên Khuyến công theo QĐ số 23/2019/QĐ-UBND (0,8hs/1ng/1T)	17.280	
Trợ cấp nghệ nhân ưu tú 1tr/01 tháng	0	
Tiết kiệm 10% KP không thường xuyên (trừ các khoản chi cho con người)	109.500	
B- Dự phòng	160.000	

Lưu ý:

- Số tiết kiệm 10% tại địa phương là

185.400

Số Tiền: 05